

**GS,TS. PHAN HỮU DẶT
(Chủ biên)**

**MÃY VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN CẤP BÁCH
LIÊN QUAN ĐẾN MỐI QUAN HỆ
DÂN TỘC HIỆN NAY**

(Sách tham khảo)



ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

GS,TS. PHAN HỮU DẬT
(Chủ biên)

**MẤY VẤN ĐỀ LÝ LUẬN
VÀ THỰC TIỄN CẤP BÁCH
LIÊN QUAN ĐẾN MỐI QUAN HỆ
DÂN TỘC HIỆN NAY**

(Sách tham khảo)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2001

CHƯƠNG I

XÁC ĐỊNH KHÁI NIỆM DÂN TỘC - CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

I. XÁC ĐỊNH KHÁI NIỆM DÂN TỘC

Thuật ngữ *dân tộc* dùng ở đây được hiểu như thế nào? Có phải được hiểu như lâu nay theo quan điểm của Stalin hay không?

Trước khi đi sâu xem xét vấn đề, chúng ta nhắc lại định nghĩa nổi tiếng của Stalin về dân tộc.

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc*, Stalin viết: "Dân tộc là một khối người cộng đồng ổn định, thành lập trong lịch sử, dựa trên cơ sở cộng đồng về tiếng nói, về lãnh thổ, về sinh hoạt kinh tế và về hình thành tâm lý, biểu hiện trong cộng đồng về yếu hoá"¹.

Cần phải nói thêm rằng, khi trình bày định nghĩa dân tộc, Stalin đã nêu thêm hai điều kiện tiền đề, theo

1. Stalin: *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc* (Trích trong *Vấn đề dân tộc và thuộc địa*), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.15.

đó thì dân tộc là phạm trù lịch sử của thời đại tư bản chủ nghĩa đang lên, trước chủ nghĩa tư bản không thể có dân tộc, và phải có bốn yếu tố (ngôn ngữ, lãnh thổ, kinh tế, văn hoá) mới thành dân tộc, chỉ cần thiếu một trong bốn yếu tố đó thì dân tộc sẽ không thể trở thành dân tộc được.

Gần 90 năm đã trôi qua kể từ năm 1913 khi Stalin nêu lên định nghĩa về dân tộc trong tác phẩm nói trên. Định nghĩa này đến năm 1939 được nhắc lại trong tác phẩm cùng của Stalin: *Vấn đề dân tộc và chủ nghĩa Lenin*.

Trong khoa học xã hội thế kỷ XX, định nghĩa của Stalin về dân tộc là một trong số đề tài được tranh luận dài đằng nhất. Sở dĩ như vậy, vì đây không chỉ là xác định một khái niệm khoa học, mà thực chất đây còn là lý luận về dân tộc, nó gắn liền với chính trị và đường lối, chính sách dân tộc của các quốc gia.

Nói một cách tổng quát, từ trước tới nay, xung quanh nhận thức lý luận về dân tộc, ở trên thế giới cũng như trong nước ta, có hai loại ý kiến: một loại dựa chắc vào định nghĩa của Stalin về vấn đề hình thành dân tộc tư sản; một loại vượt ra khỏi sự ràng buộc của định nghĩa nói trên và đề ra kiến giải mới một cách độc lập và sáng tạo.

Trước Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Liên Xô, ở Liên Xô không có ý kiến nào công khai phản bác lại định nghĩa về dân tộc của Stalin. Sau đó có một số

tiếng nói rụt rè về định nghĩa đó. Nhưng sau khi Liên Xô sụp đổ, hàng loạt ý kiến quyết liệt phủ định định nghĩa đó. Trong công trình *Hệ vấn đề tính dân tộc*, K.I.Kozlov viết: Trong vòng nhiều thập kỷ ở Liên Xô trước đây, việc khám phá thuyết dân tộc chung quy chỉ là minh họa nghèo nàn về bản chất cho những lập luận có tính chất chỉ thị của Stalin, người mà vào năm 1913 đã nêu ra định nghĩa dân tộc bằng cách ghép trong đó hai dấu hiệu theo K.Kautsky (tính cộng đồng ngôn ngữ và lãnh thổ) và một dấu hiệu theo O.Bauer (từng cộng đồng với nếp tâm lý hoặc tính cách dân tộc) và đã bổ sung thêm vào đấy dấu hiệu tính cộng đồng đời sống kinh tế mà yếu đặc trưng nói chung cho các cộng đồng nhà nước, chứ không phải cộng đồng dân tộc. Định nghĩa giáo điều như vậy thật chẳng có chút giá trị nào về mặt lý luận và thực tiễn. Ở một đoạn khác, Kozlov lại viết: Hiện giờ đã có thể đưa ra cách phân loại dân tộc theo giai đoạn lịch sử được áp dụng vào dân tộc học (bộ lạc đối với hình thái công xã nguyên thuỷ, bộ tộc đối với các hình thái giai cấp sơ kỳ, và dân tộc đối với các hình thái giai cấp phát triển) để xem xét lại kiên quyết hơn trước đây¹.

1. Xem: K.I Kozlov: *Hệ vấn đề tính tộc người* trong cuốn *Căn tính tộc người*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.102, 103.

Như vậy, hiện nay ở Liên bang Nga, định nghĩa dân tộc của Stalin đã bị phủ định, và sơ đồ cấu trúc truyền thống các khối cộng đồng người: bộ lạc - bộ tộc - dân tộc đã bị bác bỏ. Nhưng giới khoa học Nga vẫn chưa tìm được định nghĩa mới về dân tộc và chưa đưa ra được sơ đồ cấu trúc mới về khối cộng đồng người trong lịch sử.

Ở Trung Quốc, định nghĩa dân tộc của Stalin đã được tiếp thu như thế nào? Dương Kinh Sở viết: Định nghĩa dân tộc của Stalin có tính thuyết phục ở Trung Quốc, nhưng Trung Quốc trước giải phóng là một nước nửa thực dân, nửa phong kiến, các dân tộc thiểu số ở trong nước đều ở hình thái xã hội tiền tư bản, nếu bệ nguyên xi định nghĩa dân tộc của Stalin thi đều không thể gọi là dân tộc, mà chỉ có thể gọi là bộ tộc. Khi Trung Quốc triển khai công tác xác định văn đê dân tộc, Mao Trạch Đông dựa vào tình hình đất nước và tình hình dân tộc ở Trung Quốc đã chỉ rõ: "Về chính trị, không nên phân nhóm nào là dân tộc, nhóm nào là bộ tộc, hoặc bộ lạc". Vì thế, việc xác định văn đê dân tộc ở Trung Quốc, tuy không theo định nghĩa của Stalin, nhưng lại lấy định nghĩa dân tộc của Stalin làm lý luận chỉ đạo, kết hợp với tình hình thực tế của Trung Quốc để tiến hành công việc. Trong định nghĩa dân tộc của Stalin, đặc biệt là hai điều kiện tiên đê mà bản thân ông thêm vào đã không phù hợp với tình hình nhiều dân tộc trên thế giới. Nhưng trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, không

có ai trong giới lý luận dám nêu ý kiến chất vấn, hoặc sửa chữa đối với định nghĩa của Stalin. Sau Hội nghị Trung ương 3, khoá XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc, năm 1978 giới khoa học Trung Quốc bắt đầu tìm hiểu, nghiên cứu tính khoa học và tính hiện thực của định nghĩa dân tộc của Stalin. Đa số cho rằng cần phủ định hai điều kiện tiền đề mà bản thân Stalin đã thêm vào định nghĩa dân tộc và trên cơ bản đã trở thành nhận thức chung của giới khoa học. Trong thảo luận, một số học giả dựa vào hiện trạng của rất nhiều dân tộc ở Trung Quốc và thế giới, chủ trương tách cụm từ "cùng chung phong tục tập quán" ra khỏi cụm từ "cùng chung tố chất tâm lý" làm yếu tố thứ 5 để phân biệt và xác định dân tộc. Quan điểm này cũng được nhiều người tán đồng¹.

Ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay, nhiều học giả đã không thoát khỏi sự ràng buộc của định nghĩa về dân tộc của Stalin. Điều này được thể hiện qua các công trình của Đào Duy Anh, Nguyễn Lương Bích, Trần Huy Liệu, Hoàng Xuân Nhị, và ngay cả Jean Chesneaux, một học giả Pháp, khi nghiên cứu về sự hình thành của dân tộc Việt Nam cũng ở trong hoàn cảnh tương tự.

1. Xem: Dương Kinh Sở: *Sự phát triển và phồn vinh của Bộ môn lý luận dân tộc mang nét đặc sắc Trung Quốc* (Tài liệu dịch của Đề tài KHXH. 04 - 05).

Khách quan mà nói, một số học giả nước ta tuy chịu ảnh hưởng khái niệm dân tộc của Stalin, nhưng đã phủ định một điều kiện tiền đề của Stalin, khi các học giả này cho rằng, dân tộc Việt Nam đã hình thành trong lòng chế độ phong kiến Việt Nam. Điều đáng ngạc nhiên là không ai khác, chính đồng chí Lê Duẩn, cựu Tổng Bí thư Đảng ta, từ năm 1966, là người đầu tiên đã nêu lên một quan điểm độc lập và sáng tạo về khái niệm dân tộc. Đồng chí viết như sau: "Ở Việt Nam, dân tộc Việt Nam hình thành từ khi lập nước, chứ không phải khi chủ nghĩa tư bản nước ngoài xâm nhập vào Việt Nam"¹. Và cũng theo đồng chí Lê Duẩn: "Dân tộc Việt Nam ta có lịch sử mấy ngàn năm, có ngôn ngữ riêng, phong tục tập quán riêng, cốt cách làm ăn riêng, phong thái sinh hoạt riêng và có nền văn hóa lâu đời của mình. Tất cả những cái đó tạo nên truyền thống, tinh cảm riêng của dân tộc ta"².

Quan điểm của đồng chí Lê Duẩn đã được GS. Hà Văn Tấn khẳng định lại với những cứ liệu rất có sức

1, 2. Lê Duẩn: *Xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể trên lập trường giai cấp vô sản*. Trích trong *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*; Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1966, tr. 167.

thuyết phục là: "Dân tộc Việt Nam đã hình thành trong thời kỳ Hùng Vương"¹.

Từ thực tế cuộc sống, ta thấy rằng, nếu trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai, người Israel chưa hình thành được dân tộc như theo định nghĩa của Stalin, vì không có chung lãnh thổ và không có thị trường tư bản chủ nghĩa thống nhất, do phân tán rải rác trên gần khắp thế giới, nhưng sau khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc, khi Liên hợp quốc chủ trương cho thành lập Nhà nước Do Thái, thì làm sao trong một thời gian ngắn, chỉ mấy chục năm đã trở thành một quốc gia phát triển.

Còn với Việt Nam, nếu trước năm 1945 dân tộc Việt Nam chưa hình thành thì làm sao chống lại được các đế chế phương Bắc, từ Hán, Tống, Nguyên, Minh đến Thanh, v.v. và trong khi các tộc thuộc khối Bách Việt từ sông Dương Tử trở về phía Nam bị Hán hoá, mà dân tộc Việt Nam vẫn không ngừng phát triển.

Ngày nay, có thể nói rằng, định nghĩa của Stalin không phù hợp với thực tiễn không chỉ của phương Đông được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm các dân tộc ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh, mà ngay cả với châu Âu

1. Hà Văn Tấn: *Về khái niệm dân tộc (Nation) của Mác và Enggelen và sự hình thành dân tộc Việt Nam*, Tạp chí Dân tộc học, số 2-1990.

cũng không còn thích hợp. Đó là nói trên đại thể và là xu hướng phát triển khoa học.

Trên lĩnh vực lý luận về chủ nghĩa cộng sản khoa học, ngày nay nhiều người đã cho rằng, định nghĩa của Stalin về dân tộc không phù hợp với các quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, cụ thể là:

1. Trong tác phẩm *Thời kỳ Phränges*, khi nói về công xã Mácceo, Ăngghen đã gán liền sự hình thành dân tộc với sự ra đời của nhà nước. Ông cho rằng nhà nước là điều kiện tồn tại sau này của dân tộc¹.

2. Về quá trình hình thành nhà nước, trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*, Mác và Ăngghen viết: "Sự phân công lớn nhất giữa lao động vật chất và lao động tinh thần là sự tách rời giữa thành thị với nông thôn. Sự đối lập giữa thành thị và nông thôn xuất hiện cùng với bước quá độ từ thời đại dã man lên thời đại văn minh, từ chế độ bộ lạc lên nhà nước, từ tinh địa phương lên dân tộc và cứ tồn tại mãi suốt toàn bộ lịch sử văn minh cho đến ngày nay"².

Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ăngghen cũng cho rằng: "... Cuối cùng nghệ thuật và khoa học ra

1. Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 19, tr. 713.

2. Sđd, t.3, tr. 72.

dời bên cạnh thương nghiệp và thủ công nghiệp, các bộ lạc biến thành những dân tộc và quốc gia¹.

3. Trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Ángghen chủ trương rằng những liên minh bộ lạc là bước đầu tiên tiến lên hình thành những dân tộc².

4. Đúng là trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ángghen đã nói về một loại dân tộc mới, hình thành trong thời đại tư bản chủ nghĩa - dân tộc tư sản: "Giai cấp tư sản ngày càng xuâ bô tinh trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và về dân cư... Những địa phương độc lập... thì đã được tập hợp lại thành một dân tộc thống nhất"³.

Nhung ở các trước tác khác, Mác, Ángghen và Lênin đã đề cập đến các loại hình dân tộc khác, không phải tư sản.

Trong *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Ángghen đã viết về các chế độ chiếm hữu

1. Xem Ph. Ángghen: *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961.

2. Xem Ph. Ángghen: *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1964.

3. C.Mác và Ph. Ángghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.602-603.

nô lệ Aten (Hy Lạp cổ đại), La Mã, về chế độ phong kiến (ở người Giécmanh)¹.

Nếu như, như Ăngghen nói, nhà nước là điều kiệt tồn tại của dân tộc, thì hình thái cộng đồng người dưới chế độ chiếm hữu nô lệ là dân tộc chiếm hữu nô lệ, dưới chế độ phong kiến là dân tộc phong kiến.

Còn trong *Bệnh áu tri "tả khuynh" trong phong trào cộng sản*, Lê-nin đã đề cập đến một loại hình dân tộc mới - đó là dân tộc vô sản².

Như vậy, thuật ngữ *dân tộc* không chỉ để áp dụng cho dân tộc tư sản, mà còn để gọi các cộng đồng người trong các xã hội có nhà nước, dưới các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau: chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản, cộng sản (xã hội chủ nghĩa). Nói một cách khác, có dân tộc tư sản, có dân tộc tiền tư sản, có dân tộc hậu tư sản.

5. Đọc *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, chúng ta thấy Mác và Ăngghen không coi dân tộc là phạm trù duy nhất của thời đại tư bản chủ nghĩa, của xã hội có giải cấp và có nhà nước, các ông còn gọi các cộng đồng người chưa đạt đến đến hình thành nhà nước cũng bằng thuật ngữ *dân tộc*: "Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở

1. Xem: Sđd, t.21, tr. 41 - 265.

2. Xem: V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơva, 1977, t. 4, tr. I-128.

nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc đã man nhất vào trào lưu văn minh¹.

Như chúng ta đã, biết sơ đồ phân kỳ xã hội nguyên thuỷ mà Ángghen đã tiếp thu của nhà dân tộc học người Mỹ L.H.Morgan (trong tác phẩm *Xã hội cổ đại*) và nêu lên trong công trình *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*. Theo cách phân kỳ này, xã hội nguyên thuỷ được chia làm hai thời kỳ: mông muội và đã man. Kết thúc thời kỳ đã man, loài người bước sang thời đại văn minh. Nếu ở thời đã man, loài người sống dưới chế độ thị tộc - bộ lạc, chưa có giai cấp, chưa có nhà nước, thì ở thời văn minh, loài người sống trong xã hội có nhà nước.

Như vậy, thuật ngữ dân tộc được dùng để chỉ các cộng đồng người đạt trình độ có nhà nước, không phân biệt đó là nhà nước loại gì. Thuật ngữ *dân tộc* cũng được dùng để chỉ các cộng đồng người đang sống dưới chế độ thị tộc - bộ lạc (như người Giécmanh xưa kia), khi nhà nước còn chưa ra đời.

Trong một quốc gia đa dân tộc, cộng đồng người da số gọi là dân tộc da số, các cộng đồng người thiểu số gọi là các dân tộc thiểu số.

6. Từ những ý kiến được nêu ở trên, có thể xác định

1. C.Mác và Ph.Ángghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.602.

lại hai vấn đề có tính thời sự: về sơ đồ cấu trúc các khối cộng đồng người trong lịch sử và về khái niệm *dân tộc*.

a) Sơ đồ cơ bản về cấu trúc truyền thống các khối cộng đồng người trong lịch sử là: thị tộc - bộ lạc, bộ tộc, dân tộc.

Nay ta có thể nêu lên một sơ đồ cấu trúc khác, không phải gồm ba mảng xích như thế, mà chỉ có hai mảng xích: một là, *thị tộc - bộ lạc* - ứng với các khối cộng đồng người chưa đạt được sự hình thành nhà nước; hai là, *dân tộc* - ứng với các khối cộng đồng người có nhà nước (chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản, xã hội chủ nghĩa).

Trước đây, thuật ngữ *bộ tộc* được dùng để chỉ các khối cộng đồng người thuộc hai hình thái kinh tế - xã hội là chiếm hữu nô lệ và phong kiến. Sau khi đổi chiếc các trước tác của Mác và Ăngghen bằng tiếng Đức, GS Hà Văn Tấn cho rằng: dùng chữ *bộ tộc* để dịch thuật ngữ *volk* là không sát đúng, và trong tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, có bốn chỗ Ăngghen dùng từ *Nationalitat* tương ứng với *Nationalité* của tiếng Pháp hay *Национальность* của tiếng Nga, nhưng đặt trong văn cảnh thì nó có nghĩa là *tính dân tộc* chứ không phải *bộ tộc*. Từ đó GS.Hà Văn Tấn khẳng định: Chắc chắn rằng Mác và Ăngghen không có khái niệm *bộ tộc* riêng biệt với tư cách là cộng đồng người sau bộ lạc và trước dân tộc¹.

1. Xem: Tạp chí *Dân tộc học*, số 2 - 1991.

Tuy nhiên, do thói quen, nên trong bản dịch tiếng Việt của cuốn *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*, chúng ta gặp nhiều thuật ngữ bộ tộc, thậm chí có câu làm cho người đọc tin rằng bộ tộc là hình thái cộng đồng người sau bộ lạc, như câu: "...sự hợp nhất của những bộ lạc đó và sự hợp nhất đồng thời những lãnh thổ riêng của các bộ lạc, thành một lãnh thổ chung của bộ tộc..."¹.

Bảng thuật ngữ đối chiếu sơ đồ cấu trúc các khái niệm cộng đồng người (bộ lạc - bộ tộc - dân tộc):

Tiếng Việt	Tiếng Pháp	Tiếng Anh	Tiếng Nga	Tiếng Đức
Bộ lạc	Tribe	Tribe	Племя	Stamm
Bộ tộc	Nationalité	Nationality	Национальность	Nationalität
Dân tộc	Nation	Nation	Нация	Nation
Dân, dân cư, nhân dân.	Peuple (Peuplade)	People	Народ	Volk
Nhà nước	Etat	State	Государство	Staat

b) Trong khoa học, bác bỏ một khái niệm đã khó, nhưng nêu lên một khái niệm mới để thay thế thì khó hơn gấp nhiều lần. Về định nghĩa dân tộc của Stalin, ta

1. Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995 , t.21 tr.243.

thấy hai điều kiện trên để tỏ ra không thích hợp, còn bốn đặc trưng, tuy chưa hoàn toàn lỗi thời, nhưng cũng đòi hỏi phải có sự chỉnh lý.

- Đặc trưng ngôn ngữ: đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

- Đặc trưng lãnh thổ: lúc mới đầu hình thành dân tộc thì đây là điều kiện bắt buộc. Nhưng về sau, khi dân tộc bị xé lẻ, phân tán đi nhiều nơi, thì lại không phải là đặc trưng bắt buộc (trường hợp dân tộc Do Thái).

- Đặc trưng về kinh tế: thi trường chung, có thể thay thế bằng đặc trưng về lợi ích chung (lợi ích kinh tế, chính trị, v.v.).

- Đặc trưng văn hoá: cần thiết, nhưng nếu chỉ giới hạn trong khuôn khổ tâm lý thì quá hạn hẹp. Nên chăng, mở rộng ra thành đặc tính dân tộc. Còn về phong tục tập quán, mặc dù quan trọng, nhưng không nên tách ra thành một đặc trưng riêng như các nhà dân tộc học Trung Quốc đã làm, mà đặt nó trong nội dung đặc trưng văn hoá là hợp lý.

7. Tóm lại, thuật ngữ *dân tộc* không thể hiểu như lâu nay theo định nghĩa dân tộc của Stalin, mà theo chúng tôi cần được hiểu là:

a) Dân tộc - quốc gia, quốc tộc dưới các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau (từ chiếm hữu nô lệ, phong kiến, đến tư sản và xã hội chủ nghĩa), chỉ tất cả các dân

tộc, đa số và thiểu số, nằm trong một quốc gia (đối với quốc gia đa dân tộc), như: Việt Nam, Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Mỹ, v.v., hoặc để chỉ dân tộc nằm trong một quốc gia đơn nhất thành phần dân tộc, như dân tộc Triều Tiên (Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên).

- b) Dân tộc chưa đạt trình độ hình thành quốc gia.
- c) Dân tộc đa số trong một quốc gia đa dân tộc.
- d) Các dân tộc thiểu số trong quốc gia đa dân tộc.

Cần nói thêm:

- Trong tiếng Việt, có khi người ta nói "Các dân tộc Việt Nam" là để chỉ dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số trong quốc gia Việt Nam đa dân tộc.

- Cũng có khi, người ta dùng các thuật ngữ "dân Việt Nam", "cư dân Việt Nam", "nhân dân Việt Nam", cũng để chỉ chung các dân tộc đa số và thiểu số trên đất nước ta, trong quốc gia Việt Nam.

- Cũng có khi thay vào thuật ngữ "dân tộc", "các dân tộc", người ta dùng thuật ngữ "tộc người" (ethnos), cũng để chỉ các dân tộc đa số và thiểu số ở nước ta.

Từ năm 1979 đến nay, khi xác định thành phần dân tộc ở nước ta, giới dân tộc học Việt Nam thường dựa vào ba tiêu chí sau đây: ngôn ngữ, văn hóa và ý thức tự giác dân tộc - thể hiện trong tên tự gọi.

Như đã trình bày ở trên, *dân tộc* là một khái niệm

khoa học hiện vẫn còn nhiều tranh luận. Tuy vậy, có hai thuật ngữ mà nhiều nhà khoa học quan tâm nhất, đó là: *dân tộc* và *quốc gia dân tộc*.

Tộc người hay còn gọi cộng đồng tộc người, tương đương với các thuật ngữ ethnos, ethnies, ethnicity. Ví dụ, khi ta nói đến dân tộc Kinh (Việt), dân tộc Tày, dân tộc Ba Na, đó là để chỉ một cộng đồng dân tộc, một ethnies có một lãnh thổ nhất định (hay ở những lãnh thổ khác nhau và trên cùng một lãnh thổ xen với cộng đồng dân tộc khác), một lịch sử, một số phong tục, tập quán, lối sống, văn hóa và nhất là có một ý thức tự giác tộc người. Một cộng đồng dân tộc có thể bao gồm nhiều nhóm địa phương. Nhóm địa phương là một bộ phận của một tộc người nhất định, đồng thời cư dân cố kết với nhau thành một nhóm riêng với một tên gọi riêng. Khi ta nói đến dân tộc Việt Nam, đó là tập hợp từ để chỉ quốc gia Việt Nam được hình thành từ thời các vua Hùng dựng nước, một quốc gia tiến công nghiệp với một nhà nước, một thể chế chính trị - xã hội nhất định, một lãnh thổ, một ngôn ngữ giao tiếp, một ý thức tự giác của mỗi người là thành viên của đất nước này... Nếu đã gọi ethnies hay ethnos là tộc người thì thuật ngữ *dân tộc* chỉ nên dành để gọi các dân tộc theo nghĩa chung của *nation*, bất kỳ thuộc chế độ xã hội nào (chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa), như trường hợp ở Liên hợp quốc hay để chỉ một quốc gia -

dân tộc đã kinh qua tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa¹.

Quốc gia - dân tộc cũng có hai loại: quốc gia chỉ bao gồm một dân tộc như nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, và quốc gia đa dân tộc gồm một dân tộc đa số và nhiều dân tộc thiểu số như hầu hết các quốc gia trên thế giới hiện nay.

Loại thứ nhất là dân tộc hình thành trong lịch sử, ổn định, có chung một tiếng nói, một lãnh thổ (yếu tố bắt buộc đối với giai đoạn đầu thành lập quốc gia - dân tộc), cùng chung một vận mệnh lịch sử, có những lợi ích chung (về chính trị, kinh tế), có chung nền văn hoá (thể hiện trong phong tục tập quán, tín ngưỡng, tâm lý, lối sống, văn học dân gian), đặc biệt cùng chung một ý thức tự giác dân tộc.

Loại thứ hai là dân tộc bao gồm nhiều tộc - đa số và thiểu số - hình thành trong lịch sử, ổn định trong điều kiện đa ngôn ngữ, thường lấy ngôn ngữ của dân tộc đa số làm ngôn ngữ quốc gia, đồng thời có chung một lãnh thổ (lãnh thổ quốc gia - dân tộc), cùng chung một vận mệnh lịch sử quốc gia dân tộc, gắn bó vận mệnh các tộc riêng với vận mệnh của chung quốc gia - dân tộc, cùng

1. Xem: Đặng Nghiêm Vạn: *Quan hệ giữa các tộc người trong một quốc gia - dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.11-12.

chung lợi ích về chính trị, kinh tế, cũng chung một nền văn hoá vừa thống nhất vừa đa dạng của quốc gia đa dân tộc.

Để khẳng định nội dung như trên về khái niệm dân tộc, chúng tôi thấy cần phải trình bày về thuật ngữ *sắc tộc*. Thuật ngữ này xuất hiện lần đầu tiên bằng tiếng Việt không phải trên sách báo cách mạng nước ta, mà là trên sách báo, các phương tiện thông tin đại chúng và trong một số văn kiện chính thức của chính quyền Sài Gòn trước đây.

Hiện nay chưa có tài liệu xác định chỉ ra rằng nó xuất hiện trong thời chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). Nhưng chắc chắn nó xuất hiện trong thời chống Mỹ (1954-1975).

Trong cuốn sách *Hoạt động của Hội đồng sắc tộc* xuất bản ở Sài Gòn trước giải phóng miền Nam, thuật ngữ *sắc tộc* được dùng rất rộng rãi.

Thuật ngữ này bắt đầu được sử dụng ở miền Bắc nước ta và trên các phương tiện thông tin đại chúng của cả nước Việt Nam thống nhất mới chỉ trong vòng hơn 10 năm trở lại đây, và đang có xu hướng được sử dụng rộng rãi.

Ngữ nghĩa của thuật ngữ sắc tộc:

- Đây không phải là từ thuần Việt, vì 2 từ tạo nên cụm từ này đều gốc Hán (*sắc, tộc*).

- Đây cũng không phải từ gốc Hán, vì trong các từ điển Hán ngữ có uy tín như *Từ điển Từ Hải* (Bắc Kinh) hay *Từ điển Hán - Việt* (Bắc Kinh), *Tân Anh - Hán từ điển* (Thượng Hải, 1996) đều không có cụm từ *sắc tộc*.

(**色族**) Nếu ta dùng cụm từ này để chỉ một cộng đồng người, thì người Trung Quốc, hoặc nói chung người thông thạo Hán ngữ, đều không hiểu được.

- Hầu hết các từ điển bằng tiếng Việt xuất bản ở Việt Nam đều không có từ *sắc tộc* (1976, 1989, 1993, 1994, v.v.). Một số trường hợp hiếm hoi từ *sắc tộc* có xuất hiện trong mấy cuốn từ điển sau: *Từ điển Việt - Pháp* của Lê Khả Kế và Nguyễn Lan (1989), *Từ điển tiếng Việt* của Nguyễn Lan, Nguyễn Văn Đạm, Lê Khả Kế (1991), *Từ điển tiếng Việt thông dụng* do Như Ý chủ biên (1995), *Từ điển Việt - Anh* của Bùi Phụng (1998).

Vậy sắc tộc là gì? Có thể xem nó là từ Hán - Việt, một kiểu Hán - Việt Nam, do người Việt Nam thạo Hán ngữ muộn 2 từ gốc Hán làm từ tố để cấu tạo nên một từ mới, theo một trật tự nào đó: “xuôi” theo kiểu tiếng Việt, và “ngược” theo kiểu tiếng Hán. Có thể nghĩ rằng việc cấu tạo cụm từ này là theo mô hình đã có sẵn trong Trung văn, ví dụ “các sắc nhân”, như trong cuốn *Từ điển Từ Hải* đã ghi.

Ý nghĩa của từ *sắc tộc*:

Tộc là để chỉ tộc người, dân tộc. Điều đó không cần phải bàn cãi. Nhưng sắc là gì? Lúc đầu có thể nghĩ sắc

là sắc, là màu sắc, vì nhiều dân tộc hay dùng màu sắc (ví dụ y phục) để định tộc danh hay để phân chia ngành trong một dân tộc (H'Mông Trắng, H'Mông Xanh, H'Mông Đen, hay Cờ Lao Đỏ, Cờ Lao Xanh, v.v.), cũng như trong nhân chủng học hình thái, người ta dùng màu sắc để phân loại các chủng tộc: da trắng, da đen, da vàng. Do tư tưởng phân biệt chủng tộc, nên nhiều người gọi các dân tộc không phải da trắng châu Âu hay Bắc Mỹ là các dân tộc da màu. Nhưng khi từ *sắc tộc* được dùng để chỉ người thiểu số da trắng Anhani ở Cossóvô (Nam Tư), thì người ta thấy rằng sắc không phải là màu sắc nữa.

Cũng có thể nghĩ *sắc* đây là sắc thái văn hoá. Nhưng điều đó không đúng, vì nó không được dùng để chỉ các dân tộc đa số trong các quốc gia đa dân tộc trên thế giới.

Có lẽ đúng hơn cả là hiểu từ *sắc* theo nghĩa thứ 4 trong 7 nghĩa ghi trong cuốn sách *Từ điển Từ Hải* (trang 2146) như sau: "phẩm chủng, chủng loại, ví dụ các sắc nhân (các loại người)".

Như vậy, cách hiểu từ *sắc tộc* hợp lý hơn cả là quan niệm nó chỉ các loại người, các tộc người (ethnos), các dân tộc thiểu số trong một quốc gia đa dân tộc (minorité ethnique (Pháp), ethnic minority, minority group, ethnic group, ethnic minority group, ethny (Anh)).

Ngay cả trong các văn kiện của nguy quyền Sài Gòn trước đây, từ này được dùng phổ biến để chỉ các dân tộc thiểu số.

Ở miền Nam trước đây, dưới chế độ Mỹ - nguy, nói đến sắc tộc là người ta nghĩ đến các dân tộc thiểu số nói chung, và nói riêng đến các dân tộc thiểu số ở cao nguyên Trung Phần, thậm chí người ta đồng nhất sắc tộc với các dân tộc Tây Nguyên (bao gồm 21 sắc tộc Thượng miền Nam, 5 sắc tộc thượng du gốc miền Bắc) và tộc Chăm. Có tài liệu còn tính thêm cả "người Việt gốc Miên" (Khơme) vào đó nữa.

Thuật ngữ *sắc tộc*, như vậy, được dùng để chỉ các dân tộc thiểu số. Dù thế nào đi nữa, nó vẫn có mang tính miệt thị dân tộc.

Từ những điều vừa trình bày trên đây, có thể đi đến kết luận sau:

Một là, từ *dân tộc* để chỉ tất cả các cộng đồng người không phân biệt đạt trình độ hình thành nhà nước hay chưa, không phân biệt là đa số hay thiểu số, các cộng đồng người ở các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau từ thấp lên cao.

Hai là, về từ *sắc tộc*, do tính chất miệt thị của nó, để nghị không nên sử dụng nữa.

Ba là, từ trước đến nay, trong các văn kiện chính thức của Đảng (Nghị quyết các đại hội Đảng toàn quốc,

Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng qua các khoá, v.v.), của Nhà nước (Hiến pháp, các đạo luật, các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật...) cũng như trong các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chưa bao giờ thấy từ *sắc tộc* được dùng, mà thường dùng các thuật ngữ *dân tộc*, *dân tộc Việt Nam*, *các dân tộc Việt Nam*, *dân tộc đa số*, *dân tộc thiểu số*.

Cho nên, không nên dùng đồng thời hai cụm từ *dân tộc*, *sắc tộc*, mà chỉ nên dùng một cụm từ *dân tộc* là đủ, hoặc giả thay cho cụm từ *dân tộc* là cụm từ *tộc người*.

Cụm từ *dân tộc* vừa bao hàm nghĩa *dân tộc - quốc gia*, vừa chỉ *dân tộc đa số* và *các dân tộc thiểu số* trong một quốc gia.

Cụm từ *tộc người* bao gồm các cộng đồng tộc ở các thứ bậc từ thấp (còn đang ở trong phạm trù xã hội nguyên thủy) lên cao (đạt đến sự ra đời của nhà nước), thuộc các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau: chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản, xã hội chủ nghĩa.

II. CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC

1. Chủ nghĩa Mác về vấn đề dân tộc

Dân tộc cũng như giai cấp và quốc tế là vấn đề được Mác và Ăngghen dành cho một vị trí rất quan trọng trong học thuyết của mình.

Khi xác định khái niệm *dân tộc*, trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Mác và Ăngghen không chỉ đề cập đến dân tộc tư sản, mà còn thừa nhận sự tồn tại của các loại dân tộc tiền tư sản, thậm chí còn nói đến các dân tộc đã man nhất, nghĩa là chưa đạt đến trình độ hình thành nhà nước. Quan điểm của Mác và Ăngghen về sự hình thành dân tộc: từ tổ chức bộ lạc lên nhà nước, từ tính địa phương lên dân tộc một lần nữa được thể hiện qua tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ăngghen cũng đã nêu lên quan điểm về con đường hình thành dân tộc và quốc gia: các bộ lạc biến thành những dân tộc và quốc gia.

Chủ nghĩa Mác là chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời trong thời đại tư bản chủ nghĩa. Quan điểm của Mác và Ăngghen về vấn đề dân tộc hoàn toàn đối lập với quan điểm của các giai cấp bóc lột nói chung và giai cấp tư sản nói riêng, của các nhà nước, nói riêng là nhà nước của giai cấp bóc lột tư sản về vấn đề dân tộc.

Trong lịch sử nhân loại, chủ nghĩa tư bản ra đời và phát triển dựa trên sự xâm lược các quốc gia nhỏ yếu, sự nô dịch các dân tộc nhược tiểu, để vơ vét tài nguyên, bóc lột nhân công và làm nơi tiêu thụ hàng hoá của "chính quốc".

Đứng trên lập trường chân chính của giai cấp vô sản, Mác và Ăngghen đã kiên quyết chống lại đường lối dân tộc của giai cấp tư sản.

Đọc các trích dẫn của Mác và Ăngghen, chúng ta thấy rằng hai ông chưa nêu lên định nghĩa về giai cấp hay dân tộc, cũng chưa trình bày một cách tập trung quan điểm của mình về vấn đề dân tộc. Tuy vậy, rải rác đó đây trong các công trình nghiên cứu của hai ông, ta vẫn có thể rút ra một số luận điểm về vấn đề quan trọng này.

Một là, Mác và Ăngghen kiên quyết chống lại ách áp bức và bóc lột các dân tộc khác của giai cấp tư sản:

- "Hãy xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xoá bỏ" ¹.

- "Một dân tộc mà đã áp bức những dân tộc khác thì dân tộc ấy không thể có tự do".

- "Lịch sử Airculen chứng minh rằng đối với một dân tộc di nô dịch một dân tộc khác thì tai họa biết là chừng nào" ².

Hai là, khi để cập đến phong trào giải phóng dân tộc ở Ba Lan, Airculen, vùng Bancang, v.v., Mác và Ăngghen trước sau như một ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995, t.4, tr. 624.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Về hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Sách chính trị, Mátxcơva, 1959, tr. 266.

tộc bị áp bức, đòi thành lập chế độ tự trị, thậm chí tách ra thành lập một nhà nước độc lập riêng biệt:

- Trong thư đế ngày 2-11-1867, Mác viết cho Ăngghen như sau: "Trước khi tôi cho rằng Airdlen không thể tách khỏi nước Anh được. Bây giờ tôi coi điều đó là điều không tránh khỏi, mặc dù sau khi tách ra thì tình hình sẽ đi đến thành lập liên bang".

- Trong bức thư đế ngày 30-11-1867, Mác còn viết thêm:

"Người Airdlen thi cần những điều sau đây:

- Chế độ tự quản và sự độc lập đối với nước Anh.

- Cách mạng ruộng đất ...".

- Về vấn đề Ba Lan, Mác ủng hộ nền độc lập của Ba Lan, chống lại sự thống trị của chính phủ Nga Sa hoàng.

- Để giải quyết vấn đề dân tộc một cách triệt để trên lập trường giai cấp vô sản, Mác và Ăngghen chủ trương phải tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, thu tiêu nhà nước tư sản, xây dựng một nhà nước kiểu mới, không còn đối kháng giai cấp nữa.

"Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ

1.2. Mác và Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 31, tr. 533, 569.

dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo”¹.

- Trong điều kiện lúc đó, hai ông nhận thức rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể thắng lợi trong một nước riêng lẻ, mà chỉ có thể thắng lợi đồng thời trong một loạt nước, vì vậy, để đạt được mục đích lật đổ nhà nước tư sản, giải cấp và sản tất cả các nước phải liên hiệp lại. Nhu cầu tất yếu là phải thiết lập sự đoàn kết quốc tế; chủ nghĩa quốc tế vô sản là nét rất quan trọng trong thế giới quan cộng sản chủ nghĩa. Chính vì vậy, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản nổi tiếng* được kết thúc bằng khẩu hiệu có sức mạnh động viên và cổ vũ lớn lao mang tính thời đại: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại”.

2. Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc

Nếu chủ nghĩa Mác là học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ tư bản trước độc quyền, thì chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Về chủ nghĩa tư bản độc quyền, Lênin đã nói rất rõ vào năm 1916 trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*.

Lâu nay, khi nói về chủ nghĩa đế quốc, chúng ta

1. Sđd, t.4, tr.624.

thường nhấn mạnh đến tính chất “ân báu và thối nát” của nó, và nó là “chủ nghĩa tư bản đang hấp hối”, và “là đêm trước của cách mạng xã hội của giai cấp vô sản”. Điều đó là chính xác và đúng như Lénin đã viết trong tác phẩm nêu trên. Nhưng lâu nay sự trích dẫn tác phẩm của Lénin về chủ nghĩa đế quốc của chúng ta còn phiến diện. Trên thực tế, Lénin đã đề cập đến hai xu hướng của chủ nghĩa đế quốc: “Nhưng nếu cho rằng xu hướng đi đến thối nát đó loại trừ sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản, thì như thế là sai lầm; không, trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, một số ngành công nghiệp nào đó, một số tầng lớp nào đó trong giai cấp tư sản, một số nước nào đó, đều biểu hiện, hoặc ít hoặc nhiều, khi thì xu hướng này, khi thì xu hướng kia. Xét toàn bộ, chủ nghĩa tư bản phát triển vô cùng nhanh hơn trước, nhưng nói chung thì sự phát triển đó không những trở thành không đồng đều hơn trước, mà sự phát triển không đồng đều này nói riêng biểu hiện cả ở sự thối nát của các nước có nhiều tư bản nhất (nước Anh)”¹.

Lénin khi phát triển chủ nghĩa Mác lên thành chủ nghĩa Mác - Lénin đã có những bước tiến rất quan trọng về phương diện lý luận cũng như về mặt thực tiễn.

1. V.I Lénin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.27, tr.536.

Mặc dù Lénin đã nêu lên được định nghĩa về giai cấp và chưa có đủ thời gian để xây dựng định nghĩa về dân tộc, nhưng liên quan đến dân tộc, Lénin đã có những ý kiến rất sâu sắc. Có thể nêu mấy dẫn chứng sau đây:

- Trong tác phẩm *Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc*, Lénin viết: "Trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, có hai xu hướng lịch sử trong vấn đề dân tộc. Xu hướng thứ nhất là: sự thức tỉnh của đời sống dân tộc và của các phong trào dân tộc, cuộc đấu tranh chống mọi ách áp bức dân tộc, việc thiết lập các quốc gia dân tộc. Xu hướng thứ hai là: việc phát triển và tăng cường đùi mọi thứ quan hệ giữa các dân tộc, việc xoá bỏ những hàng rào ngăn cách các dân tộc và việc thiết lập sự thống nhất quốc tế của tư sản, của đời sống kinh tế nói chung, của chính trị, của khoa học, v.v..

Cả hai xu hướng đó là quy luật phổ biến của chủ nghĩa tư bản¹.

- Theo Lénin thì "chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đó là hai khẩu hiệu đối lập không thể điều hòa được, thích ứng với hai phe giai cấp lớn lao trong toàn thế giới tư bản chủ nghĩa và biểu thị hai chính sách (hơn thế nữa: hai thế giới quan) trong vấn đề dân tộc².

1, 2. Sđd, t. 24, tr. 157, 158.

- Trong nhiều tác phẩm quan trọng, như: *Về quyền dân tộc tự quyết*, *Chủ nghĩa xã hội và quyền dân tộc tự quyết*, *Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc*, *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*, *Những kết quả thảo luận về quyền tự quyết*, *Về cuốn sách của Iuniút*, *Một giáo sư tự do nói về bình đẳng*, v.v., Lenin đã phát triển học thuyết của Mác về vấn đề dân tộc, xuất phát từ những điều kiện của chủ nghĩa đế quốc, của cách mạng vô sản, của phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa.

Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, bắt đầu thời kỳ thứ hai của sự phát triển các phong trào giải phóng dân tộc, khuôn khổ của các nhà nước riêng lẻ đã trở nên chật chội đối với chủ nghĩa tư bản. Khi trong thị trường dân tộc, quần chúng lao động bị bán cùng hoá, không có khả năng tiêu thụ tất cả khối lượng hàng hoá sản xuất ra, thì Anh, Pháp và một số nước tư bản khác đã di xâm chiếm các nước nhỏ yếu, thành lập các thuộc địa. Vấn đề dân tộc trở thành vấn đề dân tộc thuộc địa. Chủ nghĩa đế quốc trở thành kẻ bóc lột các dân tộc tàn bạo nhất. Cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức hòa nhịp với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản ở các nước đế quốc chống lại toàn bộ hệ thống chủ nghĩa đế quốc, hình thành sự thống nhất quốc tế trong cuộc đấu tranh chung để giải phóng khỏi ách áp bức giai cấp và áp bức dân tộc. Chính trong những điều kiện như

vậy, phát triển khẩu hiệu cách mạng của Mác và Ăngghen. Lênin đã nêu khẩu hiệu: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại".

- Kế tục Mác và Ăngghen, Lênin không những là nhà lý luận thiên tài mà còn là nhà thực tiễn vĩ đại. Trên cương vị là lãnh tụ cách mạng thế giới, Lênin khi nói về vấn đề dân tộc là để chỉ đạo cho cách mạng toàn thế giới. Chúng ta đã biết, Bác Hồ đã vô cùng xúc động khi tiếp thu ý kiến của Lênin về vấn đề dân tộc.

Trên cương vị là lãnh tụ giai cấp vô sản Nga, Lênin khi nghiên cứu thực trạng các dân tộc dưới chế độ Nga Sa hoàng, đã rút ra những đặc điểm chủ yếu từ đó để nêu lên các nguyên tắc cơ bản của chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Bônsévich Nga.

Cương lĩnh nổi tiếng của Lênin về vấn đề dân tộc trong tác phẩm *Về quyền dân tộc tự quyết* được tóm tắt như sau: "Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết: liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại"¹.

Bình đẳng dân tộc, là một nguyên tắc cực kỳ quan trọng trong cương lĩnh về vấn đề dân tộc của Lênin. Đây là một sự bình đẳng hoàn toàn, một sự bình đẳng toàn diện giữa các dân tộc trên mọi lĩnh vực: kinh tế,

1. *Sđd*, t.25, tr.375.

chính trị, văn hoá. Lênin đã chỉ rõ rằng: "Người nào không thừa nhận và không bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc và bình đẳng giữa các ngôn ngữ, không đấu tranh chống mọi áp bức hay mọi bất bình đẳng dân tộc, người đó không phải là người mácxít, thậm chí cũng không phải là người dân chủ nữa. Lênin còn nhấn mạnh: giải phóng các dân tộc thuộc địa và tất cả các dân tộc bị áp bức hoặc bị bất bình đẳng...; không những làm cho quần chúng lao động các dân tộc được bình đẳng thật sự, mà cả việc phát triển ngôn ngữ và văn học của họ¹.

Về ý nghĩa sâu xa của quyền bình đẳng dân tộc, Lênin nói rõ như sau: ý nghĩa thật sự của việc đòi quyền bình đẳng chung quy chỉ là đòi thù tiêu giai cấp². Bình đẳng văn hoá có nghĩa là các dân tộc có quyền sử dụng tiếng mẹ đẻ trong trường học, văn học, nhà hát, v.v.. Mặt khác, Lênin cho rằng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá sẽ đòi hỏi các dân tộc sống trong một quốc gia phải học tiếng của dân tộc đa số.

Trước cách mạng, quyền bình đẳng dân tộc được Lênin xem là một bộ phận của sự đòi hỏi dân chủ chung, như là quyền dùng để lôi cuốn các dân tộc bị áp bức vào cuộc đấu tranh cách mạng. Sau thắng lợi của

1. Xem: *Sđd*, t.38, tr.136.

2. Xem: *Sđd*, t. 24, tr. 446-450.

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, nguyên tắc bình đẳng dân tộc được nêu lên trong *Tuyên ngôn dân quyền của nước Nga*, sau đó được ghi vào *Hiến pháp Liên Xô*, quy định quyền bình đẳng của công dân Xôviết, không phụ thuộc dân tộc, trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, nó là một pháp lệnh bất di bất dịch.

Quyền tự quyết, là nguyên tắc quan trọng thứ hai trong cương lĩnh của Lenin về vấn đề dân tộc. Mọi người đều biết, đế quốc Nga Sa hoàng trước đây là nhà tù lớn của rất nhiều dân tộc. Các dân tộc bị trị bị áp bức và bóc lột nặng nề, không được quyền quyết định vận mệnh của mình. Trong điều kiện như vậy, khẩu hiệu *dân tộc tự quyết* có sức lôi cuốn mạnh mẽ các dân tộc bị áp bức vào trào lưu cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo. Theo Lenin: Quyền dân tộc tự quyết, nghĩa là quyền phân lập và thành lập quốc gia dân tộc riêng biệt¹.

Khẩu hiệu về quyền tự quyết dân tộc là một biện pháp tích cực trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cho sự gắn kết giữa các dân tộc. Lenin đã nhìn thấy trước rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ đem lại cho các dân tộc bị áp bức và các thuộc địa một sự tự do hoàn toàn tách ra, với mục đích làm cho sự xích kết tự nguyện và sự đoàn kết của các dân tộc được phát triển

1. Xem: *Sđd*, t. 27, tr. 331-333.

dễ dàng và nhanh chóng. Nhưng quyền tự quyết hoàn toàn không có nghĩa là nhất thiết phải tách khỏi nước lớn trong mọi điều kiện. Lênin đã nhiều lần lên tiếng bảo vệ sự hiểu biết đúng đắn khẩu hiệu về quyền tự quyết của các dân tộc. Lênin viết: "Nói chung chúng ta chống việc tách. Nhưng chúng ta đứng trên quyền tách, vì do chủ nghĩa dân tộc phản động đại Nga". Hoặc: "Chúng ta đòi quyền tự do tự quyết không phải là chúng ta mơ ước sự phân nhỏ kinh tế hay mơ ước xây dựng các nước nhỏ bé, mà ngược lại vì chúng ta muốn những quốc gia to lớn và sự xích lại của liên bang các dân tộc nhưng trên cơ sở thực sự dân chủ, thực sự quốc tế, và trả nên vô nghĩa nếu không có sự tự do tách ra".

Như vậy, khẩu hiệu "Các dân tộc có quyền tự quyết" không phải là để các dân tộc tách ra, mà chính là để các dân tộc xích lại với nhau. Sức mạnh của khẩu hiệu đó là ở chỗ, nó gạt bỏ tất cả mọi cơ sở nghi ngờ về mưu đồ xâm lăng của dân tộc này đối với các dân tộc khác và nhằm chuẩn bị cho các dân tộc tiến đến sự liên minh tự nguyện vào một quốc gia xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều dân tộc.

Lênin còn nói: "Chủ nghĩa xã hội có mục đích không những xóa bỏ tình trạng nhân loại bị chia thành những quốc gia nhỏ và xóa bỏ mọi trạng thái biệt lập giữa các dân tộc, không những làm cho các dân tộc gần gũi nhau mà, cũng còn nhằm thực hiện việc hợp nhất các dân tộc

lại... Nhân loại chỉ có trải qua thời kỳ quá độ của chuyên chính của giai cấp bị áp bức, mới có thể xoá bỏ được các giai cấp, cũng giống như vậy, nhân loại chỉ có trải qua thời kỳ quá độ hoàn toàn giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức, nghĩa là thời kỳ các dân tộc được tự do phân lập, thì mới có thể đạt tới sự hợp nhất tất nhiên giữa các dân tộc”¹.

Từ việc công nhận quyền tự quyết của các dân tộc, nảy ra vấn đề tự trị của các khu vực như là một hình thức cụ thể để giải quyết vấn đề dân tộc trong một quốc gia có nhiều thành phần dân tộc. Nên tự trị khu vực được xây dựng trên một vùng lãnh thổ nhất định với thành phần đặc biệt của dân cư, với sự khác biệt về những điều kiện kinh tế, đời sống, ngôn ngữ, đặc biệt về văn hoá. Lênin có nói: “Hiển nhiên là người ta không thể quan niệm được một quốc gia hiện đại thật sự dân chủ mà lại không có một quyền tự trị cho mọi vùng có những đặc điểm quan trọng đôi chút về kinh tế hoặc về lối sinh sống và có một thành phần dân tộc riêng trong dân cư, v.v.”². Về thành phần dân tộc, chúng ta cần hiểu là sự hiện diện trên một khu vực nhất định, một cộng đồng người sống tập trung, không xen kẽ hay xen kẽ không đáng kể với các cư dân thuộc cộng đồng người khác.

1. *Sđd*, t. 27, tr. 328.

2. *Sđd*, t. 24, tr. 185.

Sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, quyền dân tộc tự quyết được dì vào cuộc sống các dân tộc ở Liên Xô, thể hiện rực rỡ ở sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết, ở sự thành lập các nước cộng hoà tự trị trong liên bang, ở các cấp tự trị nhỏ hơn.

"Liên hợp công nhân tất cả các dân tộc lại" là nguyên tắc thứ ba trong cương lĩnh của Lênin về vấn đề dân tộc. Đây là sự liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống áp bức giai cấp và áp bức dân tộc, vì sự giải phóng dân tộc và xã hội. Lênin kiên trì nguyên tắc thống nhất giữa các nhiệm vụ dân tộc và quốc tế của giai cấp công nhân. Lênin cho rằng, việc giải phóng khỏi ách tư bản, việc xây dựng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là nhiệm vụ quốc tế của tất cả những người vô sản, của tất cả nhân dân lao động các nước. Chủ nghĩa quốc tế vô sản thể hiện tính chất chung của những quyền lợi cơ bản và những ý nguyện tiến bộ của nhân dân lao động của tất cả các dân tộc, về nguồn gốc và bản chất, nó đối lập với chủ nghĩa dân tộc tư sản gây sự thù hận và chia rẽ giữa các dân tộc. Lênin đã viết: "Chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đó là hai khẩu hiệu đối lập không thể điều hòa được và thích ứng với hai mặt trận giai cấp lớn trong thế giới tư bản chủ nghĩa, và biểu thị *hai chính sách* (hơn thế nữa: *hai thế giới quan*) trong vấn đề dân tộc"¹. Chủ nghĩa

1. *Sđd*, t. 24, tr. 157.

quốc tế và sản là ngọn cờ của nhân dân lao động thế giới trong cuộc đấu tranh chống áp bức dân tộc.

Quan hệ mật thiết đến sự liên minh quốc tế và sự đoàn kết nhân dân lao động của các dân tộc trên thế giới là luận điểm của Lênin về vấn đề hợp nhất các dân tộc. Lênin cho rằng: "Nguyên tắc của chủ nghĩa dân tộc tư sản là sự phát triển dân tộc nói chung, do đó mà sinh ra tính đặc biệt của chủ nghĩa dân tộc tư sản, những cuộc xung đột dân tộc không có lối thoát. Còn giai cấp vô sản thì không những không bảo vệ sự phát triển dân tộc của mọi dân tộc, mà trái lại nó để phòng cho quần chúng khỏi mắc những ảo tưởng như thế, nó chủ trương để cho lưu thông tư bản chủ nghĩa được tự do đầy đủ nhất, và hoan nghênh mọi sự đồng hóa dân tộc, trừ sự đồng hóa bằng bạo lực hoặc dựa trên những đặc quyền"¹. "Giai cấp vô sản không thể tán thành bất cứ một sự thừa nhận nào đối với chủ nghĩa dân tộc cả; trái lại nó tán thành bất cứ cái gì giúp vào việc xoá bỏ mọi sự phân biệt dân tộc, vào việc phá huỷ những hàng rào ngăn cách các dân tộc, tán thành bất cứ cái gì làm chì mối liên hệ giữa các dân tộc ngày càng mật thiết, bất cứ cái gì dẫn đến sự hợp nhất các dân tộc. Hành động khai đi, có nghĩa là đứng về phía giai cấp tiểu thị dân tộc chủ nghĩa phản động"².

1, 2. Sđd, t.24, tr. 169.

Nhìn lại lịch sử của Liên Xô, chúng ta có thể khẳng định, trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, Liên Xô không phải không đạt được nhiều thành tích to lớn. Những nước cộng hoà ở Trung Á, các nước cộng hoà ở Cápcadơ, các nước cộng hoà tự trị trong Liên bang Nga, các dân tộc thiểu số miền Cực Bắc và vùng Viễn Đông, những dân tộc không phải dân tộc Nga có trình độ phát triển kinh tế - xã hội yếu kém, dưới thời Xôviết đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong quá trình phát triển lịch sử của mình. Sự giúp đỡ của nhân dân Nga đối với các dân tộc anh em trong Liên bang Xôviết rất to lớn. Mức sống của nhân dân các dân tộc được cải thiện và nâng cao, bản sắc văn hoá các dân tộc được bảo tồn, làm giàu và phát huy, đội ngũ cán bộ người dân tộc được xây dựng và trưởng thành, v.v..

Nhưng nhìn chung, sau khi Lênin mất, chính sách dân tộc của Lênin không được thực hiện một cách đúng đắn, hơn thế nữa, đường lối chính sách dân tộc ở Liên Xô càng về sau càng xa rời những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc. Đây chính là nguyên nhân căn bản dẫn đến trong thực tiễn việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Liên Xô cuối cùng bị thất bại. Sự thất bại trong việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Liên Xô là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Nhà nước Xôviết.

Sự thất bại của việc thực hiện chính sách dân tộc ở

Liên Xô do yếu tố chủ quan là chủ yếu, nhưng yếu tố khách quan - ám mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch - là không thể xem nhẹ. Cần thấy rằng, trong khi ở Liên Xô đang say sưa về sự giải quyết vấn đề dân tộc hoàn toàn và triệt để, thì các nước phương Tây lại luôn chú ý đến sự bất mãn và rối loạn trong các mối quan hệ dân tộc ở Liên Xô; khi ở Liên Xô tuyên truyền rầm rộ về khôi cộng đồng lịch sử mới là nhân dân Liên Xô, thì ở phương Tây lại đưa ra những tin tức về sự áp bức của dân tộc Nga đối với các dân tộc khác trong Liên bang Xô viết. Những phương tiện thông tin đại chúng ở phương Tây đã đẩy mạnh tuyên truyền kích động nhân dân các dân tộc ở Liên Xô. Ở phương Tây người ta còn cho xuất bản sách của các phản tú dân tộc cực đoan ở Liên Xô và phát hành rộng rãi trên thế giới. Tiếc rằng, Liên Xô đã không cảnh giác đầy đủ vấn đề này.

Trong cuốn sách *Năm 1999 - không đánh mà thắng* khi phân tích những thay đổi này sinh trong cải tổ ở Liên Xô, Nichxon viết:³ Trong thời gian Gorbachov cầm quyền, sự thay đổi này lớn bao nhiêu, thuộc tính chất gì, đến nhanh bao nhiêu. Những cái đó được quyết định bởi ông ta, cũng được quyết định bởi chúng ta⁴. Có thể khẳng định, sự thất bại trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở Liên Xô, nguyên nhân chủ yếu làm trỗi dậy chủ nghĩa dân tộc địa phương cực đoan, cộng với sự

kích động và âm mưu “diễn biến hòa bình” của phương Tây đã làm cho chính quyền Xôviết sụp đổ. Phương Tây đã thể hiện mưu đồ lấy đặc điểm đa dân tộc của Liên Xô làm chỗ hở chiến lược, lấy dân tộc không phải Nga làm trọng điểm chiến lược, lấy sự sụp đổ của Liên Xô làm mục tiêu chiến lược, và chúng đã thành công; còn lực lượng cách mạng và tiến bộ chịu một sự thất bại có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới.

Từ những vấn đề được nêu ở trên, chúng ta nhận thấy nguyên nhân và cũng là hậu quả của chính sách dân tộc ở Liên Xô là do đã không tuân thủ nguyên lý đúng đắn của chủ nghĩa Lênin về vấn đề dân tộc, cụ thể là:

- Nguyên lý *Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng* đã không được thực hiện nghiêm chỉnh.
- Nguyên lý *Các dân tộc có quyền tự quyết* cũng bị vi phạm, chế độ liên bang dựa trên cơ sở tự nguyện, do những điều kiện khách quan và chủ quan, nói riêng là điều kiện thời chiến trong chiến tranh giữ nước vĩ đại, và do thực hiện chế độ kinh tế kế hoạch hóa tập trung cao độ, dần dần trở thành hình thức, các dân tộc không được quyền tự quyết định vận mệnh của mình. *Hiến pháp* của Liên Xô năm 1924 đã quy định chức danh và quyền hạn của các nước cộng hoà liên minh, nhưng từng bước bị xoá nhòa, và chủ quyền các nước cộng hoà phản rất lớn bị rơi vào tình trạng hình thức, đặc điểm

dân tộc không được quan tâm, lợi ích dân tộc bị xem nhẹ, tất nhiên vấn đề dân tộc không được giải quyết, trở thành miếng đất màu mỡ để nảy sinh chủ nghĩa dân tộc cực đoan, v.v..

- Nguyên lý *Liên hiệp giải cấp công nhân tất cả các dân tộc* cũng không được chấp hành. Tình đoàn kết giữa các dân tộc trên thực tế không được thực hiện, hổng cách giữa nhân dân Nga, giải cấp công nhân Nga và nhân dân và giải cấp công nhân các dân tộc trong Liên bang Xô viết không những không thu hẹp lại mà còn được mở rộng thêm lên. Khẩu hiệu "Võ súng toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại" do Lênin nêu lên chưa trở thành hiện thực sâu sắc trong cuộc sống của đất nước Xô viết.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc

Mọi người đều biết, lịch sử loài người từ khi có giải cấp là lịch sử đấu tranh giải cấp, đấu tranh giải cấp là động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của lịch sử. Một khác, chủ nghĩa Mác - Lênin không bao giờ phủ nhận vai trò của cá nhân trong tiến trình lịch sử. Tuy nhiên, thiên tài bao giờ cũng là sản phẩm của lịch sử trong những điều kiện cụ thể nhất định.

Đọc các tructác của Mác và Ăngghen, ta thấy các ông đề cập nhiều vấn đề về giải cấp, những vấn đề dân tộc chiếm một tỷ lệ không nhiều. Lênin trong các truct